

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP CHO VẤN ĐỀ DI CƯ CỦA HỘ GIA ĐÌNH NÔNG THÔN VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Factors affecting migration of rural households in the Mekong Delta

Đặng Phúc Danh¹, và Lê Thị Tiên²

^{1,2}Trường Đại học Kinh tế Công nghiệp Long An, Long An, Việt Nam

dang.phuc@daihoclongan.edu.vn

le.thitien@daihoclongan.edu.vn

Tóm tắt — Di cư là một yếu tố phổ biến trong tiến trình phát triển của xã hội. Các nghiên cứu trước đã chỉ ra rằng lý do dẫn đến hiện tượng di cư chủ yếu là tìm kiếm việc làm với thu nhập tốt hơn. Từ khi Việt Nam chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường theo định hướng của nhà nước, quá trình đô thị hóa đã tạo điều kiện cho tiến trình di cư từ nông thôn đến thành thị. Tác giả sử dụng dữ liệu thứ cấp kết quả tổng điều tra dân số nhà ở năm 2019 và niên giám thống kê 2020. Số liệu thống kê cho thấy một số chỉ số vĩ mô có ảnh hưởng tới xu hướng di cư của hộ gia đình nông thôn, qua đó đề xuất một số giải pháp để từng bước nâng cao đời sống cho người dân nơi đây.

Abstract — Migration is a common factor in the development of society. Previous studies have shown that the main reason for migration is the search for jobs with better income. Since Vietnam's transition to a state-oriented market economy, urbanization has facilitated migration from rural to urban areas. The author uses secondary data from the 2019 population and housing census and the 2020 statistical yearbook. The statistics show that a number of macro indicators have an influence on the migration trend of households. rural families, thereby proposing some solutions to gradually improve the living standards of the people here.

Từ khóa — Đồng bằng sông Cửu Long, di cư, hộ gia đình nông thôn, migrate, rural households.

1. Giới thiệu

Việt Nam cũng giống như nhiều quốc gia đang phát triển, di cư gắn với quá trình công nghiệp hóa đất nước. Hình thức chủ yếu là di cư từ vùng này đến vùng khác trong phạm vi biên giới của một quốc gia và di cư từ quốc gia này đến quốc gia khác. Xét trong phạm vi quốc gia, cuộc di cư lớn nhất và có tổ chức từ bộ máy nhà nước là đi xây dựng vùng kinh tế mới tại một số địa phương. Bên cạnh các cuộc di cư do nhà nước tổ chức, còn nhiều cuộc di cư có tính tự phát chủ yếu vì lý do kinh tế từ một số khu vực khác nhau, chủ yếu từ vùng nông thôn đến các đô thị lớn phát triển. Những cuộc di cư này xuất hiện từ khi Việt Nam chuyển từ nền kinh tế bao cấp sang nền kinh tế thị trường theo định hướng của nhà nước. Lao động di cư có tác động tích cực cũng như tiêu cực tại những thành phố nơi họ nhập cư cũng như tại địa phương nơi họ di cư. Ở thời điểm hiện tại, ngoài một số cơ hội thì Việt Nam vẫn còn tồn tại những khó khăn, thách thức trong vấn đề di cư lao động từ nông thôn đến các vùng đô thị.

Di cư có nguyên nhân chủ yếu do người lao động tìm kiếm việc làm, cải thiện thu nhập nhằm xây dựng một cuộc sống tốt đẹp hơn. Vì vậy, cần có sự quan tâm của nhà nước và chính quyền địa phương từ góc độ chính sách đối với vấn đề di cư.

2. Thực trạng di cư của hộ gia đình nông thôn vùng đồng bằng sông Cửu Long

2.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội của vùng

Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) hay còn gọi là vùng châu thổ sông Mê Kông, là phần lãnh thổ cực nam của Việt Nam, có vị trí địa lý tiếp giáp hướng đông nam của Campuchia, là vùng đất màu mỡ và có số lượng dân cư tập trung tương đối cao ở Việt Nam. ĐBSCL có tổng diện tích 40577.6 km² và có tổng dân số là 17,744,947 người theo thống kê năm 2022. ĐBSCL chỉ với 12.8% diện tích cả nước nhưng chiếm 17.9% dân số cả nước. Ở thời điểm hiện tại, ĐBSCL được giao nhiệm vụ đảm bảo an ninh lương thực cho cả nước, mặc dù có diện tích canh tác nông nghiệp và thủy sản chưa tới 30%; tuy nhiên sản lượng lúa chiếm 54% diện tích và 58%

sản lượng; xuất khẩu gạo toàn vùng chiếm tới 93% sản lượng của cả nước. Bên cạnh đó thủy sản chiếm 77% diện tích, 40% sản lượng và 60% lượng xuất khẩu cả nước. Mặc dù với điều kiện có nhiều ưu đãi như vậy từ thiên nhiên, tuy nhiên xét về phương diện thu nhập bình quân đầu người của vùng ĐBSCL vẫn còn tương đối thấp ở mức 60 triệu đồng/người/năm (so với cả nước là 74 triệu đồng/người/năm).

Theo báo cáo thường niên ĐBSCL năm 2020, tỷ trọng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của ĐBSCL chiếm tỷ trọng 27% so với GDP của cả nước ở thời điểm năm 1990. Sau ba thập niên phát triển, mặc dù ĐBSCL đã từng bước giảm dần tỷ lệ nghèo, đóng góp của ĐBSCL chỉ chiếm tỷ trọng 17.7% so với GDP cả nước năm 2019. Đây là một sự suy giảm tỷ trọng GDP đáng lo ngại và cần được quan tâm nhiều hơn vì sự phát triển của vùng ĐBSCL trong thời gian tới.

2.2. Di cư từ nông thôn ra thành thị trong quá trình đô thị hóa

Đô thị hóa là sự mở rộng của đô thị, tính theo tỷ lệ phần trăm giữa số dân đô thị hay diện tích đô thị trên tổng số dân hay diện tích của một vùng, một khu vực hoặc một quốc gia. Đô thị hóa đồng nghĩa với sự gia tăng diện tích xây dựng, gia tăng mật độ dân cư hoặc phát triển các hoạt động thương mại, dịch vụ trong một khu vực nhất định theo thời gian. Quá trình đô thị hóa có thể diễn ra thông qua sự chuyển dịch dân cư từ nông thôn đến thành thị, hoặc sự phát triển tự nhiên của dân cư hiện có. Tuy nhiên, trong thực tế quá trình đô thị hóa tại nhiều quốc gia đang phát triển chủ yếu là thông qua quá trình chuyển dịch dân cư vì trong quá trình phát triển do mức độ tăng trưởng dân số tự nhiên của thành thị thấp hơn ở khu vực nông thôn. Có thể nói rằng quá trình di cư từ khu vực nông thôn đến thành thị được xem là hệ quả trong quá trình đô thị hóa.

Theo Tổng cục thống kê (2016), di cư là một yếu tố quan trọng, là động lực tích cực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, góp phần phân bổ lại dân cư, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, giải quyết việc làm, giảm tỷ lệ nghèo, là một bộ phận của chiến lược phát triển kinh tế xã hội bền vững của Chính phủ các nước đang phát triển. Khi kinh tế phát triển, quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế diễn ra đã dẫn đến xu hướng di cư giữa các địa phương tăng lên.

Ở Việt Nam trong những năm qua, cùng với quá trình công nghiệp hóa đất nước, tiến trình đô thị hóa đã diễn ra nhanh chóng. Sự phát triển nhanh chóng của các đô thị trên phạm vi cả nước đã dẫn đến sự tập trung ngày càng tăng của cư dân tại đô thị, đặc biệt là dòng di cư của lao động nông thôn đến các đô thị phát triển tìm việc làm. Chính dòng di cư lao động này đã tạo ra sự phát triển và mang đến sự thịnh vượng cho các đô thị, đồng thời di cư cũng làm nảy sinh một số hệ lụy mà các đô thị ngày nay phải gánh chịu. Những vấn đề đó là nạn thất nghiệp, tình trạng ngập nước ùn tắc giao thông, thiếu nhà ở cho lao động nhập cư, tình trạng môi trường sống bị ô nhiễm, thiếu trường học, thiếu dịch vụ y tế, dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho người lao động nhập cư bị hạn chế. Việc hiểu rõ quy luật di cư để từ đó có các biện pháp hữu hiệu nhằm chủ động trong việc kiểm soát dòng di cư luôn là vấn đề khó giải quyết của những người hoạch định chính sách vĩ mô, những người làm công tác quản lý đô thị trong việc thiết kế những chính sách quản lý xã hội có hiệu quả (Tổng cục thống kê, 2016).

2.3. Phân tích thực trạng di cư của hộ gia đình nông thôn vùng đồng bằng sông Cửu Long

Trong ba thập niên qua, quá trình đô thị hóa đã làm cho lối sống các hộ gia đình tại đô thị được định hình rõ nét. Đặc điểm nhân khẩu học của hộ gia đình ở thành thị có sự khác biệt đáng kể so với hộ gia đình ở nông thôn cụ thể là: Quy mô hộ gia đình ở thành thị nhỏ hơn; người dân thành thị kết hôn muộn hơn và có ít con hơn. Hộ gia đình thành thị cũng có nhiều lợi thế so với hộ gia đình tại nông thôn trong quá trình phát triển: Điều kiện nhà ở tốt hơn, có nhiều cơ hội tiếp cận với các tiêu chuẩn cơ bản như hệ thống điện, nước sạch và điều kiện học tập cũng như điều kiện làm việc trong môi trường đòi hỏi được đào tạo chuyên môn. Những lợi thế này thể hiện rõ nét tại những địa phương có mức độ đô thị hóa cao. Ngoài ra, từ khi phát triển nền kinh

tế thị trường theo định hướng của nhà nước, việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế là yếu tố quan trọng thúc đẩy người lao động di cư.

Bảng 1. Thống kê các chỉ số cơ bản tại các địa phương

Tỉnh	Dân số tốt nghiệp trung học phổ thông (%)	Lao động giản đơn (%)	Lao động qua đào tạo (%)	Thất nghiệp (%)	Số dự án FDI lũy kế đến 2020 (dự án)	Vốn FDI đăng ký lũy kế đến 2020 (triệu USD)
Long An	13	25.9	16.2	2.32	1233	8498.9
Tiền Giang	10.9	45.9	12.9	1.6	126	2745.1
Bến Tre	10.7	22.7	11.9	1.01	62	1611.9
Đồng Tháp	11.2	35.7	12.9	3.27	19	172.1
Vĩnh Long	14.3	50.4	15.6	1.97	62	817.7
An Giang	9.3	22.7	13.9	1.88	27	270.9
Hậu Giang	9.8	52.7	11.1	2.45	23	522.5
Cần Thơ	18.8	15.8	24.8	3.63	83	739.4
Sóc Trăng	9.3	33.9	11.8	2.54	17	299.1
Bạc Liêu	8.3	23.5	10.3	3.58	13	4551
Trà Vinh	11	48.4	12.6	2.53	42	3332.4
Kiên Giang	10	29.9	11.9	2.9	62	4808.1
Cà Mau	9	73.6	12	2.78	10	150.1

Nguồn: Ban chỉ đạo tổng điều tra dân số và nhà ở trung ương (2019); Tổng cục thống kê (2020)

Thống kê cho thấy tỷ lệ dân số tốt nghiệp trung học phổ thông tại 13 tỉnh trong vùng ĐBSCL. Thống kê cho thấy có ba địa phương lần lượt là thành phố Cần Thơ, Vĩnh Long và Long An có tỷ lệ tốt nghiệp trung học phổ thông cao nhất lần lượt là 18.8%, 14.3% và 13%; bên cạnh Bạc Liêu là địa phương có tỷ lệ tốt nghiệp thấp 8.3% so với các tỉnh còn lại trong vùng ĐBSCL. Theo bảng 1 thì tỷ lệ lao động giản đơn tại 3 địa phương là Cà Mau, Hậu Giang và Vĩnh Long có tỷ lệ cao tương ứng mức 73.6%, 52.7% và 50.4%. Bên cạnh tỷ lệ lao động giản đơn thì tỷ lệ lao động qua đào tạo tại 3 địa phương chiếm tỷ lệ cao nhất là thành phố Cần Thơ, Long An và Vĩnh Long lần lượt là 24.8%, 16.2% và 15.6%; Hậu Giang là địa phương có tỷ lệ lao động qua đào tạo tương đối thấp so với các tỉnh còn lại là 11.1%. Ba địa phương có tỷ lệ thất nghiệp ở mức cao là thành phố Cần Thơ, Bạc Liêu và Đồng Tháp lần lượt là 3.63%, 3.58% và 3.27%. Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) thì Long An là địa phương dẫn đầu vùng ĐBSCL với 1233 dự án, Tiền Giang với 126 dự án và thành phố Cần Thơ 83 dự án; Bạc Liêu là địa phương thu hút được ít hơn so với các tỉnh khác trong vùng với 13 dự án. Về số lượng vốn đăng ký FDI thì Long An là địa phương thu hút được nhiều nhất với lượng vốn đăng ký lũy kế đến 2020 là 8498.9 triệu USD, kế tiếp là hai địa phương Kiên Giang và Bạc Liêu với lượng vốn đăng ký lần lượt là 4808.1 triệu USD và 4551 triệu USD (bảng 1).

Tỷ lệ tốt nghiệp trung học phổ thông là một tiêu chí quan trọng chuyển tiếp sang đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ hoặc đào tạo nghề của người lao động, các địa phương có tỷ lệ tốt nghiệp trung học phổ thông cao thì cũng có tỷ lệ lao động qua đào tạo ở mức cao và cũng thuận lợi hơn trong thu hút số dự án FDI (bảng 1). Tỷ lệ lao động giản đơn còn ở mức cao so với tỷ lệ lao động qua đào tạo tại các địa phương sẽ làm chậm quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng ĐBSCL giữa khu vực 1 là khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; khu vực 2 là công nghiệp - xây dựng và khu vực 3 là khu vực thương mại - dịch vụ.

Bảng 2. Cơ cấu GDP vùng Đồng bằng sông Cửu Long

Ngành	Năm 1990	Năm 2000	Năm 2010	Năm 2019
Tỷ trọng ngành nông lâm ngư nghiệp (%)	54	49.5	39.6	28.3
Tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng (%)	8	18.5	25.7	26.4
Tỷ trọng ngành thương mại - dịch vụ (%)	38	32	34.6	44.6

Nguồn: VCCI và Fulbright (2020)

Trong giai đoạn 1990 - 2000, chuyển dịch cơ cấu kinh tế diễn ra tương đối chậm tại ĐBSCL. Giai đoạn này tỷ trọng ngành nông lâm ngư nghiệp chiếm tỷ trọng cao lần lượt là 54% và 49.5% so với tỷ trọng 2 ngành còn lại là công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ. Giai đoạn 2010 - 2019 đã chứng kiến sự suy giảm rõ nét trong cơ cấu kinh tế ngành nông lâm ngư nghiệp của vùng từ 39.6% giảm còn 28.3%. Đồng thời sự gia tăng tỷ trọng của ngành công nghiệp - xây dựng từ 25.7% tăng 26.4% tuy nhiên sự gia tăng này còn ở mức độ khiêm tốn. Sự gia tăng tỷ trọng của ngành thương mại - dịch vụ từ 34.6% tăng 44.6% được xem như một cột mốc quan trọng trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong vùng ĐBSCL.

Bảng 3. Biến động dân số và tình trạng di cư vùng Đồng bằng sông Cửu Long

Vùng	Năm 2009		Năm 2019		Giai đoạn 2009 - 2019			
	Dân số (triệu người)	Tỷ trọng (%)	Dân số (triệu người)	Tỷ trọng (%)	Tăng trưởng dân số (%)	Tỷ suất nhập cư (‰)	Tỷ suất di cư (‰)	Tỷ suất di cư thuần (‰)
ĐBSCL	17.2	20	17.3	17.9	0.58	4.9	44.8	-38.9
Cả nước	85.9	100	96.2	100	11.9	22.2	22.2	0

Nguồn: VCCI và Fulbright (2020)

Trải qua nhiều thập niên tăng trưởng, vùng ĐBSCL đã đạt được nhiều thành tựu trong sự phát triển, tuy nhiên sự thịnh vượng cho người dân đây chưa thực sự rõ nét và cần nhiều thời gian hơn. Theo báo cáo kinh tế thường niên ĐBSCL 2020, ĐBSCL do được giao nhiệm vụ đảm bảo an ninh lương thực cho cả nước nên phải tập trung vào việc sản xuất lương thực, lúa gạo, tập trung các nguồn lực hiện có vào lĩnh vực nông nghiệp. Kết quả là chậm dịch chuyển cơ cấu kinh tế sang các lĩnh vực có năng suất lao động cao hơn.

Bảng 3 cho thấy trong khoản thời gian 10 năm từ năm 2009 đến 2019, ĐBSCL có dân số tăng không đáng kể từ 17.2 triệu người lên 17.3 triệu người. Sự chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế ở ĐBSCL so với cả nước đã ảnh hưởng trực tiếp đến mức sống và cơ hội về kinh tế là nguyên nhân dẫn đến tỷ suất di cư cao hơn tỷ suất nhập cư của vùng.

Tỷ suất nhập cư biểu thị số người từ những địa phương khác nhập cư đến vùng ĐBSCL tính trên 1000 người trong thời kỳ quan sát; ngược lại tỷ suất di cư biểu thị số người từ vùng ĐBSCL di cư đến địa phương khác tính trên 1000 người trong thời kỳ quan sát. Kết quả là ĐBSCL có tỷ suất nhập cư 4.9/1000 cư dân thấp hơn so với 22.2/1000 cư dân của cả nước. Ngược lại, ĐBSCL có tỷ suất di cư ở mức tương đối cao là 44.8/1000 cư dân so với mức 22.2/1000 cư dân của cả nước. Tỷ suất di cư thuần là hiệu của tỷ suất nhập cư và tỷ suất di cư. Tỷ suất di cư thuần có giá trị dương (+) nếu số người nhập cư lớn hơn số người di cư, có giá trị âm (-) nếu số người nhập cư nhỏ hơn số người di cư (bảng 3).

Theo số liệu thống kê, hầu hết các địa phương vùng ĐBSCL có dân số lớn hơn 1 triệu người, những địa phương có tổng dân số tương đối cao là các tỉnh Tiền Giang, Kiên Giang, Long An, Đồng Tháp, ngoại trừ tỉnh Hậu Giang có tổng dân số nhỏ hơn 1 triệu người; An Giang là trường hợp đặc biệt có tổng dân số gần 2 triệu người. Tỷ lệ dân số sống tại vùng nông thôn ở Bến Tre, Long An và Vĩnh Long chiếm tỷ lệ tương đối cao bên cạnh thành phố Cần Thơ là địa phương có tỷ lệ dân số sống tại vùng nông thôn thấp nhất. Ba tỉnh Sóc Trăng, An Giang và Hậu Giang có tỷ suất di cư tương đối cao lần lượt là 80.8/1000 cư dân, 77.9/1000 cư dân và 72.9/1000 cư dân; thống kê cũng cho thấy Long An và Cần Thơ có tỷ suất di cư ở mức thấp lần lượt là 30.2/1000 cư dân và 36/1000 cư dân. Bên cạnh đó, Long An và Cần Thơ là 2 địa phương có tỷ suất nhập cư cao so với các tỉnh còn lại trong vùng ĐBSCL lần lượt là 47.7/1000 cư dân và 44.9/1000 cư dân. Hầu hết các địa phương trong vùng ĐBSCL có tỷ suất di cư thuần âm (-), chỉ có 2 địa phương có tỷ suất di cư thuần dương (+) là Long An và Cần Thơ tương ứng với 17.5/1000 cư dân và 8.9/1000 cư dân (bảng 4).

Bảng 4. Quy mô dân số và tình trạng di cư tại các địa phương

Tỉnh	Tổng dân số (Người)	Tổng số hộ (gia đình)	Dân số tại nông thôn (%)	Tỷ suất di cư (%)	Tỷ suất nhập cư (%)	Tỷ suất di cư thuần (%)
Long An	1688547	478494	83.9	30.2	47.7	17.5
Tiền Giang	1764185	501766	86	38.5	13.7	-24.8
Bến Tre	1288463	402860	90.2	48.1	12.7	-35.4
Đồng Tháp	1599504	446228	80.9	64	7.9	-56.1
Vĩnh Long	1022791	298391	83.4	54.6	16.3	-38.3
An Giang	1908352	525656	68.4	77.9	5.8	-72.1
Hậu Giang	733017	201970	74.6	72.9	11.7	-61.2
Cần Thơ	1235171	359375	30.3	36	44.9	8.9
Sóc Trăng	1199653	319732	67.6	80.8	5.8	-75
Bạc Liêu	907236	223024	72.3	59.2	7	-52.2
Trà Vinh	1009168	284675	82.8	53	8.6	-44.4
Kiên Giang	1723067	359375	71.7	56.7	14	-42.7
Cà Mau	1194476	305290	77.3	69	6.4	-62.7

Nguồn: Ban chỉ đạo tổng điều tra dân số và nhà ở trung ương (2019)

Theo số liệu thống kê bảng 1 và bảng 4, những địa phương có tỷ suất di cư thuần âm (-) có nguyên nhân chủ yếu là chưa thu hút được số lượng đáng kể các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài, ngược lại những địa phương thu hút được số dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài nhiều hơn có tỷ suất di cư thuần dương (+). Vấn đề thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài có liên quan khá chặt chẽ đến các chính sách quản lý vĩ mô của từng địa phương thể hiện trong việc ban hành hệ thống chính sách hỗ trợ, khuyến khích các nhà đầu tư nước ngoài tham quan, thảo luận, hợp tác thúc đẩy phát triển kinh tế. Các chính sách của từng địa phương tác động đáng kể đến quá trình thu hút vốn đầu tư nước ngoài, tạo ra nhu cầu lớn về lao động, tạo ra nhiều việc làm mới tạo sức hút hấp dẫn lao động di cư. Các chính sách khuyến khích đầu tư FDI; xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông; chính sách đất đai; tín dụng và thuế; chính sách khuyến khích phát triển ngành, nghề nông thôn; chính sách phát triển nguồn nhân lực thông qua giáo dục, đào tạo và dạy nghề là các chính sách vĩ mô tác động vào tăng trưởng kinh tế, tạo nhiều việc làm và tăng tổng cầu lao động tại khu vực công nghiệp - xây dựng và khu vực thương mại - dịch vụ để tạo nhu cầu thúc đẩy thu hút lao động tới đô thị.

Với điều kiện kinh tế - xã hội hiện tại, di cư giữa các địa phương có những đóng góp quan trọng và không thể thiếu trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội tại ĐBSCL. Với việc đáp ứng phần lớn nhu cầu việc làm do phát triển khu công nghiệp, FDI đã tạo ra nhiều việc làm mới và nhờ đó tạo ra nguồn thu nhập đáng kể cho những người lao động di cư ở các địa phương; việc làm và thu nhập là nhân tố quyết định sự phát triển đồng đều hơn và rộng rãi hơn giữa các địa phương tại ĐBSCL.

2.4. Một số thách thức cần giải quyết

Theo thống kê tại Thành phố Hồ Chí Minh, những người lao động di cư thường gặp khó khăn, bị một số rào cản nhất định trong việc tiếp cận các dịch vụ an sinh xã hội, giáo dục và y tế do nhà nước cung cấp.

Nhóm những người lao động giản đơn làm việc trong khu vực phi chính thức không có hợp đồng lao động thường gặp thiệt thòi và hạn chế do người sử dụng lao động không mua bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định của nhà nước để giảm thiểu những rủi ro khi bị ốm đau, tai nạn lao động, tuổi già. Ngoài ra vấn đề xây dựng nhà ở xã hội cho lao động di cư chỉ mới đáp ứng được một phần nhỏ so với nhu cầu hiện nay.

3. Một số giải pháp

Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 78/NQ-CP tập trung xây dựng và phát triển vùng ĐBSCL với một số nội dung chủ yếu:

Đầu tư cơ sở hạ tầng toàn diện tại vùng ĐBSCL, hoàn thiện hệ thống đường bộ cao tốc kết nối với vùng Đông Nam Bộ, tuyến cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Sóc Trăng, Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng, Hà Tiên - Rạch Giá - Bạc Liêu, Hồng Ngự - Trà Vinh trong giai đoạn 2020 - 2030.

Phát triển khoa học công nghệ và đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trở thành động lực chủ yếu cho tăng trưởng kinh tế vùng ĐBSCL.

Phát triển mạng lưới các trường đại học, mở rộng các trường cao đẳng, dạy nghề và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Tăng cường chăm sóc sức khỏe cho nhân dân với hệ thống y tế có chất lượng, quan tâm đầu tư hệ thống y tế cơ sở, y tế dự phòng.

Triển khai thực chương trình xây dựng nông thôn mới, phát triển kinh tế nông thôn, từng bước mở rộng đô thị hóa đến nhiều khu vực tại các vùng nông thôn. Từng bước cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn, xây dựng hạ tầng kinh tế xã hội vùng nông thôn đồng bộ, đảm bảo môi trường, cảnh quan nông thôn giàu bản sắc truyền thống thích ứng với biến đổi khí hậu bền vững theo Nghị quyết số 25 của Quốc hội (2021).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Ban chỉ đạo tổng điều tra dân số và nhà ở trung ương (2019). *Kết quả tổng điều tra dân số và nhà ở*. Nhà xuất bản Thống kê.
- [2] Chính phủ (2022). *Nghị quyết số 78/NQ-CP Ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 13/NQ-TW ngày 02/4/2022 của Bộ chính trị về phương hướng kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*.
- [3] Quốc Hội (2021). *Nghị quyết số 25/2021/QH15 Phê duyệt chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025*.
- [4] Tổng cục Thống kê (2016). *Di cư và đô thị hóa ở Việt Nam*. Hà Nội: Nhà xuất bản Thống kê.
- [5] Tổng cục Thống kê (2018). *Khảo sát điều tra mức sống hộ gia đình Việt Nam năm 2018*.
- [6] Tổng cục Thống kê (2020). *Niên giám thống kê*. Nhà xuất bản Thống kê.
- [7] VCCI và Fulbright (2020). *Báo cáo kinh tế thường niên đồng bằng sông Cửu Long 2020 - nâng cao năng lực cạnh tranh để phát triển bền vững*. Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ.

Ngày nhận bài: 25/3/2023

Ngày phản biện: 10/5/2023

Ngày duyệt đăng: 06/6/2023